

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH**

**Thông tư số 91/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định
Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính**

(Tiếp theo Công báo số 253 + 254)

Biểu số: 1602.N.TCNH

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo: Ngày 30 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ
chức tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẶT CƯỢC

Năm...

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
I	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đặt cược		
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa		
2	Doanh thu hoạt động kinh doanh đặt cược đua chó		
3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế		
II	Chi phí hoạt động kinh doanh đặt cược		
1	Chi phí trả thưởng		
1.1	Chi trả thưởng hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa		
1.2	Chi trả thưởng hoạt động kinh doanh đặt cược đua chó		
1.3	Chi trả thưởng hoạt động kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế		

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
2	Chi hoa hồng đại lý bán vé đặt cược		
3	Chi thù lao Hội đồng giám sát cuộc đua		
4	Chi ủy quyền trả thưởng		
5	Chi phí khác		
III	Các khoản phải nộp từ hoạt động kinh doanh đặt cược		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
IV	Các khoản đã nộp từ hoạt động kinh doanh đặt cược		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
V	Kết quả kinh doanh từ hoạt động kinh doanh đặt cược (Lãi/lỗ)		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1602.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh đặt cược

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Số liệu được tổng hợp từ Báo cáo hoạt động kinh doanh đặt cược của từng doanh nghiệp theo quy định về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về hoạt động kinh doanh đặt cược.

Biểu số: 1603.N.TCNH

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo: 90 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức
tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CASINO

Năm...

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (Triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
A	DOANH THU		
I	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh casino		
II	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật		
III	Thu nhập khác (nếu có)		
B	CHI PHÍ		
I	Chi phí trả thưởng		
II	Chi phí thuê quản lý		
III	Chi phí khác		
C	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN		
I	Các khoản phải nộp		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
4	Tiền vé tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino (nếu có)		
II	Các khoản đã nộp		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
4	Tiền vé tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino (nếu có)		
D	KẾT QUẢ KINH DOANH (LÃI/LỖ)		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1603.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh casino

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Thông tin được thu thập và tổng hợp từ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh casino theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh casino.
- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về hoạt động kinh doanh casino.

Biểu số: 1604.N.TCNH

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo: 90 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức
tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG
Năm...

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (Triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
1	Doanh thu		
1.1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng		
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính		
1.3	Thu nhập khác		
2	Chi phí		
2.1	Chi trả thưởng		
2.2	Chi phí thuê quản lý		
2.3	Chi phí khuyến mại		
3	Kết quả kinh doanh		
4	Thuế		
4.1	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
4.2	Thuế khác		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1604.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Thông tin được thu thập và tổng hợp từ các thông tin về quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Biểu số: 1701.H.ĐT

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo tháng: Ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo 6 Tháng: Ngày 31/8 năm kế hoạch.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 31/3 năm sau năm kế hoạch.

Đơn vị báo cáo:

Vụ Đầu tư

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KẾ HOẠCH NĂM... - THÁNG...

<Tháng><6 tháng>/<Năm>:...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch						Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo						
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm				Tổng số		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Tổng số		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		
				Tổng số	Vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Vốn kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	
						Tổng số triển khai	Trong đó: KH ĐP triển khai tăng so với KH TTg giao													Số vốn
1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5	
	TỔNG SỐ (A)+(B) (1)+(2)																			
	(1) VỐN TRONG NƯỚC																			
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI																			
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG																			

1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:																		
	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
I	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																		

1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	BỘ...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	- Ngành, lĩnh vực...																		
	Dự án...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG...																		

1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5
	BỘ...																		
II	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương																		
2	Vốn ngân sách trung ương																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	TỈNH...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		

1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương																		
	Ngành, lĩnh vực...																		
	Ngành, lĩnh vực...																		
2	Vốn ngân sách trung ương																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực																		
a	Vốn trong nước																		
	- Ngành, lĩnh vực...																		
	Dự án...																		
b	Vốn nước ngoài																		
	- Ngành, lĩnh vực...																		
	Dự án...																		
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG...																		

1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5	
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài																			
	Chương trình MTQG...																			
	TÍNH...																			

Ghi chú:

- Hằng tháng báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn
- 6 tháng, cả năm báo cáo chi tiết dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương (riêng Chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo theo tổng số từng chương trình)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1701.H.ĐT: Báo cáo kết quả thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm... - tháng...

I. Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo đầu tư công.

II. Các chỉ tiêu tại biểu số liệu:

1. Vốn kế hoạch năm trước kéo dài: Là số vốn kế hoạch của năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thực hiện sang năm báo cáo.

2. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch giao trong năm, kế hoạch kéo dài: Là số vốn thực tế đã được thanh toán qua KBNN và cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán (bao gồm cả vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, vốn tạm ứng theo chế độ) theo từng loại kế hoạch vốn nêu trên được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch.

3. Vốn ngân sách địa phương: nguồn ngân sách địa phương bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã; báo cáo tổng số theo ngành, lĩnh vực.

4. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: là nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư thuộc các ngành, lĩnh vực, chương trình theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo từng giai đoạn cụ thể.

5. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: là nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương để thực hiện các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn (vốn trong nước, vốn nước ngoài) của từng chương trình.

Biểu số: 1702.N.ĐT

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo: Quý IV năm sau

Đơn vị báo cáo:

Vụ Đầu tư

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THUỘC NHIỆM VỤ QUẢN LÝ CỦA VỤ ĐẦU TƯ NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH HÀNG NĂM

<Năm>:...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ năm trước			Kế hoạch các năm trước được chuyển sang năm 2022	Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm quyết toán					Kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn quyết toán ngân sách năm 2022	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (hủy dự toán)
		Tổng số	Trong đó: thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2022	Nộp giảm tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước trong năm 2022		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Vốn kế hoạch hủy bỏ		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Vốn kế hoạch hủy bỏ				
1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18=4+8+14	19=(3-4-5)+9+15	20=10+16	21=11+17
	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG																			
	Trong nước																			

CÔNG BÁO/SỐ 255 + 256/Ngày 03-02-2025

1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18=4+8+14	19=(3-4-5)+9+15	20=10+16	21=11+17	
	Ngoài nước, trong đó:																				
	- Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																				
a	Ngành, lĩnh vực																				
1	Quốc phòng																				
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội																				
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																				
4	Khoa học, công nghệ																				
5	Y tế, dân số và gia đình																				
6	Văn hóa, thông tin																				
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn																				
8	Thể dục, thể thao																				
9	Bảo vệ môi trường																				

1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18=4+8+14	19=(3-4-5)+9+15	20=10+16	21=11+17	
10	Các hoạt động kinh tế																				
(1)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																				
(2)	Công nghiệp																				
(3)	Giao thông																				
(4)	Khu công nghiệp và khu kinh tế																				
(5)	Thương mại																				
(6)	Cấp nước, thoát nước																				
(7)	Kho tàng																				
(8)	Du lịch																				
(9)	Viễn thông																				
(10)	Bưu chính																				
(11)	Công nghệ thông tin																				
(12)	Quy hoạch																				
(13)	Công trình công cộng tại các đô thị																				
(14)	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất, hỗ trợ doanh nghiệp...																				

1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18=4+8+14	19=(3-4-5)+9+15	20=10+16	21=11+17	
1	Quốc phòng (010)																				
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội (040)																				
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (070)																				
4	Khoa học, công nghệ (100)																				
5	Y tế, dân số và gia đình (130)																				
6	Văn hóa, thông tin (160)																				
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn (190)																				
8	Thể dục, thể thao (220)																				
9	Bảo vệ môi trường (250)																				
10	Các hoạt động kinh tế (280)																				
(1)	Nông nghiệp, lâm nghiệp,																				

1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18=4+8+14	19=(3-4-5)+9+15	20=10+16	21=11+17	
	nhà nước, đảng, đoàn thể (340)																				
12	Xã hội (370)																				
13	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật																				
b	Số vốn chưa phân bổ																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn ngoài nước																				
2	Bộ																				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1702.N.ĐT: Biểu tổng hợp quyết toán vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương thuộc nhiệm vụ quản lý của vụ đầu tư niên độ ngân sách hằng năm

I. Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách

- Kỳ báo cáo: Hằng năm (sau khi thực hiện xong thông báo thẩm định quyết toán niên độ ngân sách của các Bộ, cơ quan trung ương).

II. Các chỉ tiêu tại biểu số liệu:

1. Vốn kế hoạch năm trước kéo dài: Là số vốn kế hoạch của năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thực hiện sang năm báo cáo.

2. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch giao trong năm, kế hoạch kéo dài: Là số vốn thực tế đã được thanh toán qua KBNN và cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán (bao gồm cả vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, vốn tạm ứng theo chế độ) theo từng loại kế hoạch vốn nêu trên được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch.

3. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: là nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư thuộc các ngành, lĩnh vực, chương trình theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo từng giai đoạn cụ thể.

4. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: là nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương để thực hiện các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn (vốn trong nước, vốn nước ngoài) của từng chương trình.

Biểu số: 1703.H.KBNN

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo tháng: Trước ngày 15 của tháng sau tháng báo cáo;

Đơn vị báo cáo:

Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC KẾ HOẠCH NĂM..... DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

Tháng :...

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...					Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết tháng....						Dự kiến thanh toán vốn đến...				
		Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang KBNN nhận	Kế hoạch vốn giao trong năm			Tổng Thanh toán	Trong đó:					Dự kiến tổng số thanh toán	Trong đó:			
				Kế hoạch vốn năm... TTCP giao (bao gồm vốn cấp thẳng và vốn cấp bù lãi suất không kiểm soát chi qua KBNN)	Kế hoạch vốn năm... do TTCP giao cấp qua KBNN	Kế hoạch vốn năm... Bộ, cơ quan TW/Địa phương triển khai		Thanh toán vốn kéo dài		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Dự kiến thanh toán vốn kéo dài	Dự kiến thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm		
								Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành				Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12						9=10+11	10	11		12=13+14
	TỔNG SỐ																
	<i>Vốn trong nước</i>																
	<i>Vốn ngoài nước</i>																

CÔNG BÁO/Số 255 + 256/Ngày 03-02-2025

1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
2.2.2	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
3	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao															
A2	VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CQNN, ĐƠN VỊ SNCL DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (NẾU CÓ)															
	Bộ ngành															
a	Vốn trong nước															
b	Vốn ngoài nước															
b1	<i>Vốn ngoài nước giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
b2	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
A1	VỐN NSNN															
c	Vốn trong nước															
d	Vốn ngoài nước															

1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
A2	VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CQNN, ĐƠN VỊ SNCL DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (NẾU CÓ)															

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1703.H.KBNN: Báo cáo kết quả kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công qua Kho bạc nhà nước kế hoạch năm..... do trung ương quản lý

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công kế hoạch năm do Trung ương quản lý.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận.

❖ Số liệu báo cáo tháng là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1704.H.KBNN

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo tháng: Trước ngày 15 của tháng sau tháng báo cáo;

Đơn vị báo cáo:

Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC KẾ HOẠCH NĂM.... DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

<Tháng>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã KB	Vốn kế hoạch năm...				Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết tháng...						Dự kiến lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết... tháng... năm...			Ghi chú	
			Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm...		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Tổng số	Trong đó				
					Kế hoạch Quốc hội/ TTCP giao	KH Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó				
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số		Thanh toán vốn kéo dài các năm trước chuyển sang
1	2		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	TỔNG CỘNG																
	Vốn trong nước																
	Vốn nước ngoài, trong đó:																
	Theo cơ chế ghi thu ghi chi																

CÔNG BÁO/SỐ 255 + 256/Ngày 03-02-2025

1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
2,2	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
2,3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao															
B2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định															
*	Tỉnh...															
	Vốn trong nước															

1	2		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<i>Vốn trong nước</i>																
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
2,2	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia																
	<i>Vốn trong nước</i>																
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
2,3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																
B2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định																

1	2		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
2,1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành lĩnh vực																
	<i>Vốn trong nước</i>																
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
2,2	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia																
	<i>Vốn trong nước</i>																
	<i>Vốn nước ngoài, trong đó:</i>																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
2,3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																

1	2		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1704.H.KBNN: Báo cáo kết quả kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công qua Kho bạc nhà nước kế hoạch năm.... do địa phương quản lý

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo kết quả thanh tra vốn đầu tư công kế hoạch năm do địa phương quản lý.

- Ghi biểu: Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Bộ...															
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
	Dự án...															
	Dự án...															
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Chương trình															
	Chương trình...															
	Bộ...															
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ															
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực															

1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	TỈNH...															
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
	Dự án...															
	Dự án....															
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Chương trình...															
	Chương trình...															
	TỈNH....															

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1705.T.KBNN: Báo cáo kết quả kiểm soát thanh toán vốn kế hoạch ứng trước qua Kho bạc nhà nước

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo kết quả thanh toán vốn kế hoạch ứng trước.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu báo cáo tháng là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1706.H.KBNN

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 15 của tháng báo cáo

- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 15/02 năm sau năm kế hoạch

Đơn vị báo cáo:

Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

44

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC KẾ HOẠCH NĂM... DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

<6 tháng>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...					Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến...						Dự kiến thanh toán vốn đến...			
		Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang KBNN nhận	Kế hoạch vốn giao trong năm			Tổng Thanh toán	Trong đó:					Dự kiến tổng số thanh toán	Trong đó:		
				Kế hoạch vốn năm... TTCP giao (bao gồm vốn cấp thẳng và vốn cấp bù lãi suất không kiểm soát chi qua KBNN)	Kế hoạch vốn năm... do TTCP giao cấp qua KBNN	Kế hoạch vốn năm... Bộ, cơ quan TW/Địa phương triển khai		Thanh toán vốn kéo dài		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Dự kiến thanh toán vốn kéo dài	Dự kiến thanh toán vốn kế hoạch vốn giao trong năm	
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang KBNN nhận	Thanh toán KHV năm...						
1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ															

CÔNG BÁO/Số 255 + 256/Ngày 03-02-2025

1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	<i>Vốn trong nước</i>															
	<i>Vốn ngoài nước</i>															
A1	VỐN NSNNN															
c	Vốn trong nước															
d	Vốn ngoài nước															
<i>d1</i>	<i>Vốn ngoài nước giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
<i>d2</i>	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
1,1	Vốn trong nước															
1,2	Vốn ngoài nước															
<i>1.2.1</i>	<i>Vốn ngoài nước giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
<i>1.2.2</i>	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
2	VỐN CTMT QG															
2,1	Vốn trong nước															
2,2	Vốn ngoài nước															

1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
A1	VỐN NSNN															
c	Vốn trong nước															
d	Vốn ngoài nước															
d1	<i>Vốn ngoài nước giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
d2	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
1,1	Vốn trong nước															
	<i>Dự án.....</i>															
1,2	Vốn ngoài nước															
1.2.1	<i>Vốn ngoài nước giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
	<i>Dự án.....</i>															
1.2.2	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
	<i>Dự án.....</i>															
2	VỐN CTMT QG															
2,1	Vốn trong nước															
	<i>Dự án.....</i>															

1	2	3=4+6	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
2,2	Vốn ngoài nước															
2.2.1	<i>Vốn ngoài nước giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
	<i>Dự án.....</i>															
2.2.2	<i>Vốn ngoài nước do KBNN xác nhận</i>															
	<i>Dự án.....</i>															
3	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao															
A2	VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CQNN, ĐƠN VỊ SNCL DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (NẾU CÓ)															

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1706.H.KBNN: Báo cáo kết quả kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công qua Kho bạc nhà nước kế hoạch năm do trung ương quản lý

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo kết quả thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm do trung ương quản lý

- Ghi biểu:

❖ Số liệu báo cáo 6 tháng, năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1707.H.KBNN

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 15 của tháng báo cáo

- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 15/02 năm sau năm kế hoạch

Đơn vị báo cáo:

Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KẾ HOẠCH NĂM... DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

<6 tháng>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã KB	Vốn kế hoạch năm...				Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết tháng... năm...						Dự kiến lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết... tháng... năm...		Ghi chú		
			Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm...		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Tổng số	Trong đó				
					Kế hoạch Quốc hội/ TTCP giao	KH Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó				
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán vốn kéo dài các năm trước chuyển sang	Thanh toán Kế hoạch vốn giao trong năm...
1	2		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	TỔNG CỘNG																
	Vốn trong nước																
	Vốn nước ngoài, trong đó:																

1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
BI	Vốn NSNN															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
1	Vốn cân đối NSDP															
2	Vốn Ngân sách trung ương															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
2,1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành lĩnh vực															
	Vốn trong nước															

1	2		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
*	Tỉnh...																
	Vốn trong nước																
	Vốn nước ngoài, trong đó:																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
B1	Vốn NSNN																
	Vốn trong nước																
	Vốn nước ngoài, trong đó:																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
1	Vốn cân đối NSDP																
2	Vốn Ngân sách trung ương																
	Vốn trong nước																
	Vốn nước ngoài, trong đó:																
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>																

1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định															
*	Tỉnh...															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
B1	Vốn NSNN															
	Vốn trong nước															
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	<i>Theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>															
	<i>Theo cơ chế tài chính trong nước</i>															
1	Vốn cân đối NSĐP															
2	Vốn Ngân sách trung ương															
	Vốn trong nước															

1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2,3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao															
B2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định															

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1707.H.KBNN: Báo cáo kết quả kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công qua Kho bạc nhà nước kế hoạch năm... do địa phương quản lý

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm do địa phương quản lý.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu báo cáo 6 tháng, năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1708.H.KBNN

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 15 của tháng báo cáo

- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 15/02 năm sau năm kế hoạch

Đơn vị báo cáo:

Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THANH TOÁN VỐN KẾ HOẠCH ỨNG TRƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

<6 tháng>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm báo cáo		Kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm báo cáo		Thu hồi vốn ứng trước trong năm báo cáo		Vốn ứng trước trong năm báo cáo			Vốn ứng trước chưa thu hồi chuyển sang thu hồi vào các năm sau	
				Vốn kế hoạch ứng trước chưa thu hồi	Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm trước năm báo cáo	Vốn kế hoạch ứng trước	Số vốn đã thanh toán đến hết 6 tháng/năm báo cáo	Vốn kế hoạch bố trí thu hồi	Số thu hồi trong 6 tháng/năm báo cáo theo kết quả thanh toán thực tế	Vốn kế hoạch ứng trước	Số vốn đã thanh toán đến hết 6 tháng/năm báo cáo	Vốn kế hoạch ứng được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm sau*	Vốn kế hoạch ứng trước chưa thu hồi*	Tổng số vốn đã thanh toán đến hết năm báo cáo*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=6+8-10+11	15=6+8-10+12
	TỔNG SỐ (A+B)													
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=6+8- 10+11	15=6+8- 10+12
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia													
	TỈNH...													
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực													
	Dự án...													
	Dự án...													
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia													
	Chương trình..													
	Chương trình..													
	TỈNH...													

Ghi chú: Các cột 13, 14, 15 Chỉ thực hiện báo cáo đối với Báo cáo năm (không thực hiện đối với báo cáo 6 tháng)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1708.H.KBNN: Báo cáo kết quả kiểm soát thanh toán vốn kế hoạch ứng trước qua Kho bạc nhà nước

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Ghi biểu:

❖ Báo cáo 6 tháng, năm: không bao gồm số liệu tổng hợp tại các cột số 12 và 14.

❖ Số liệu báo cáo 6 tháng, năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1709.N.KBNN

Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau năm

báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Kho bạc Nhà nước

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Tin học và Thống kê tài chính

**THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH)**

Năm :...

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	KẾ HOẠCH VỐN NĂM...	VỐN ĐÃ THANH TOÁN THEO KẾ HOẠCH NĂM...			SO SÁNH THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH (%)
			TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	$2=3+4$	<i>3</i>	<i>4</i>	$5=2/I$
1	Dự án...					
2	Dự án...					
	...					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1709.N.KBNN: Thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định)

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận.
- Số liệu báo cáo năm là số vốn giải ngân chi tiết từng dự án của từng Bộ, ngành, địa phương quản lý theo từng nguồn vốn ngân sách (trung ương, địa phương)

Phụ lục III
DANH MỤC TÊN VIẾT TẮT CỦA CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ
BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH TÀI CHÍNH

*(Kèm theo Thông tư số 91/2024/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Tên đầy đủ	Tên viết tắt (Ký hiệu đơn vị)
01	Vụ Ngân sách Nhà nước	NSNN
02	Vụ Đầu tư	ĐT
03	Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp	HCSN
04	Cục Quản lý giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	QLGSCST
05	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính	TCNH
06	Vụ Hợp tác quốc tế	HTQT
07	Vụ Pháp chế	PC
08	Cục Quản lý Công sản	QLCS
09	Cục Tài chính Doanh nghiệp	TCDN
10	Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại	QLN
11	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm	QLBH
12	Cục Quản lý Giá	QLG
13	Cục Tin học và Thống kê tài chính	THTK
14	Tổng cục Thuế	TCT
15	Tổng cục Hải quan	TCHQ
16	Tổng cục Dự trữ Nhà nước	TCDT
17	Kho bạc Nhà nước	KBNN
18	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	UBCK
19	Vụ I	VI
20	Sở Tài chính	STC